CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Tập đoàn BGI

Ngày 30/09/2025	11,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-7.8%	**34.1%**	**15.7%**

DT thuần
Q3/25
139
tỷ VNĐ
QoQ: ▼10.0| -6.5%
YoY: ▲ 84.7| 157%

LN thuần
Q3/25
4.81
tỷ VNĐ
QoQ: ▼7.69| -61.5%
YoY: ▲ 1.94| 67.6%

LN sau thuế
Q3/25
4.18
tỷ VNĐ
QoQ: ▼5.34| -56.1%
YoY: ▲ 1.95| 87.5%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
5.5%
YoY: +/-▼ 3.6%

ROE (TTM)
Q3/25
1.6%
YoY: +/-▲ 0.2%

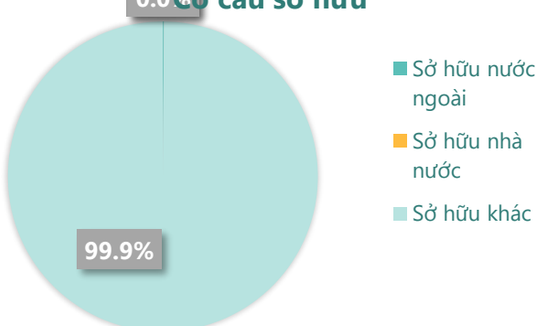
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	6,800 - 14,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,134
Số lượng CPLH (CP)	96,090,556
KLGD BQ 20 phiên (CP)	533,130
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	1.61
EPS	172
P/E	68.8

DT thuần
9T 2025
340
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 155| 83.6%

LN thuần
9T 2025
20.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.10| 42.8%

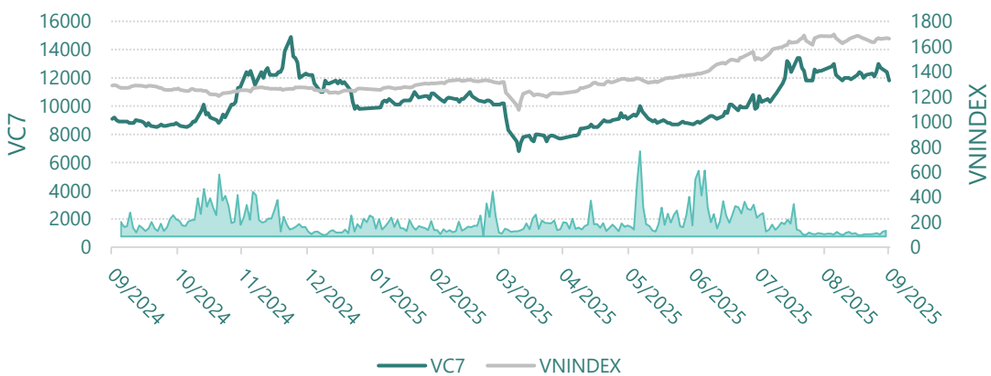
LN sau thuế
9T 2025
16.6
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 5.00| 43.1%

Cơ cấu sở hữu

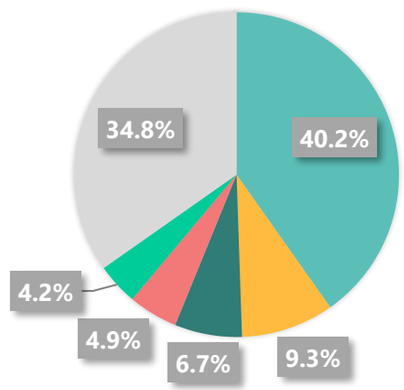


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



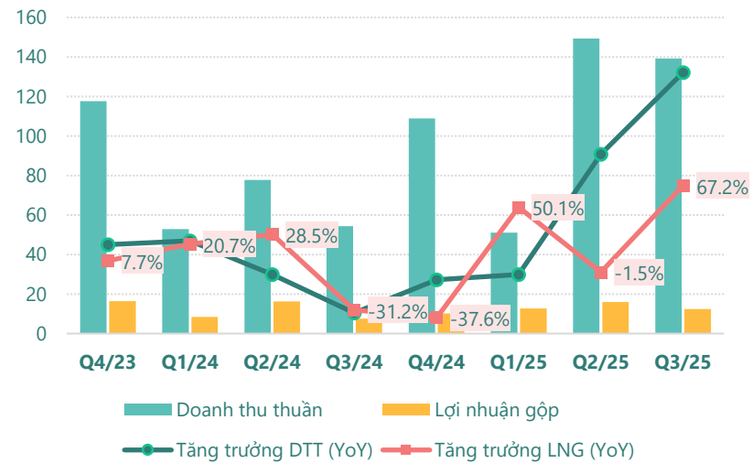
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

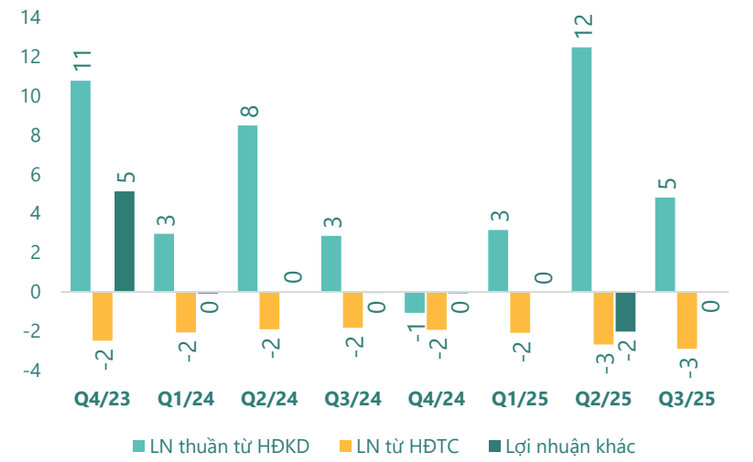
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



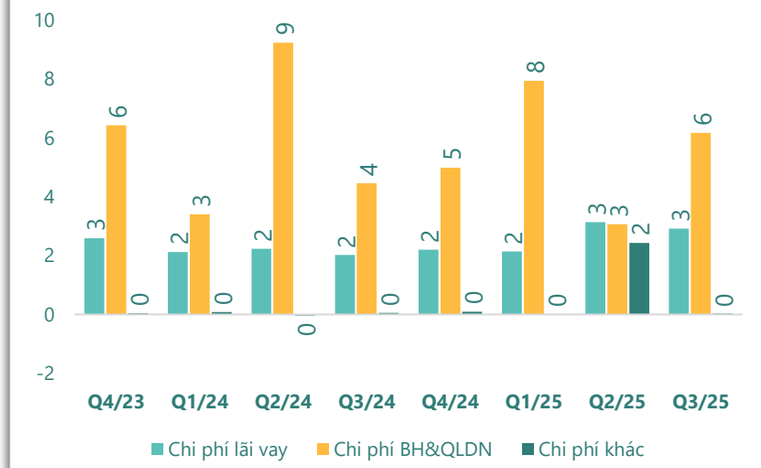
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



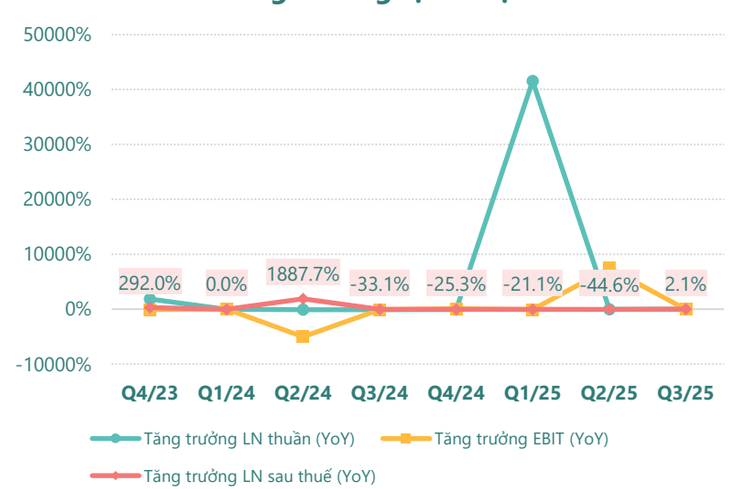
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



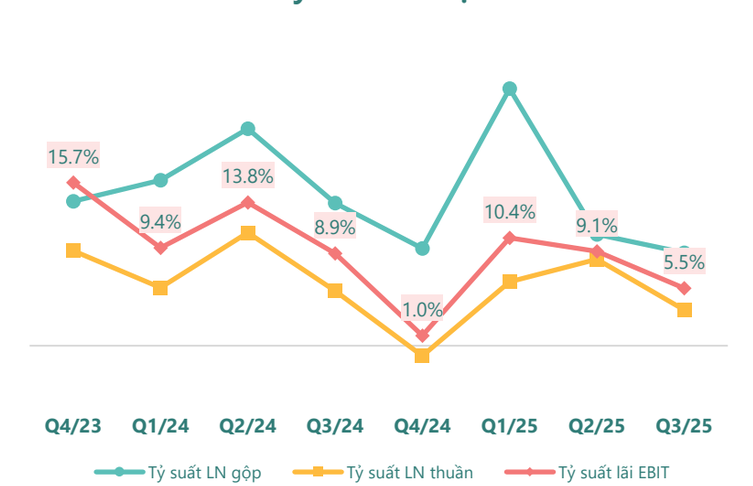
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



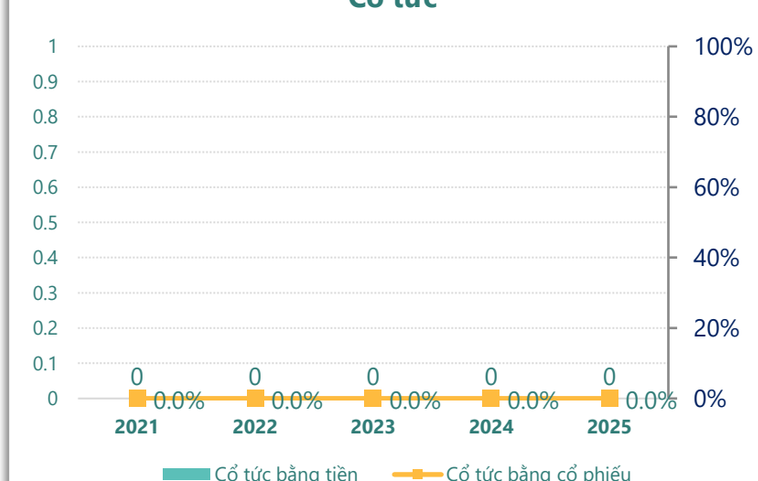
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

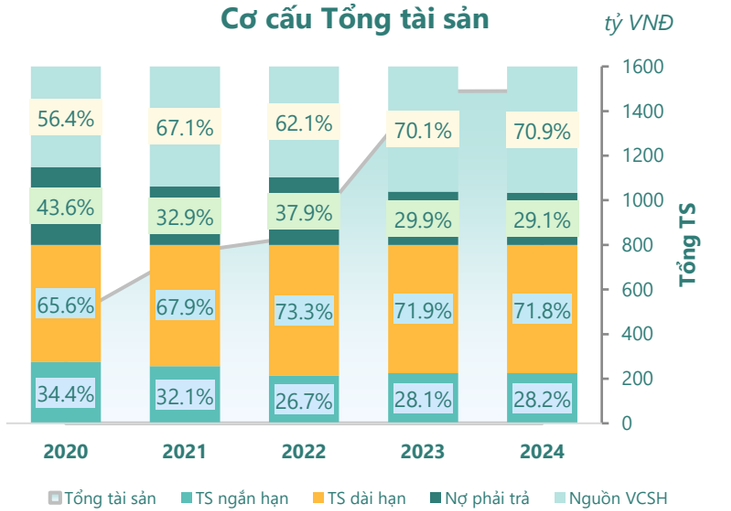
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

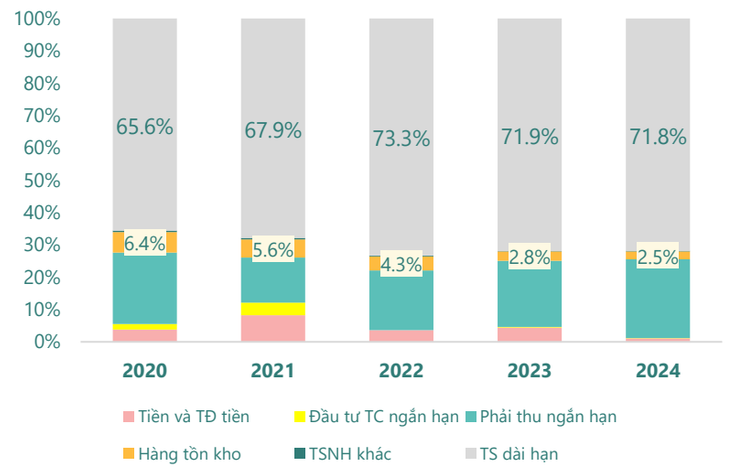
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



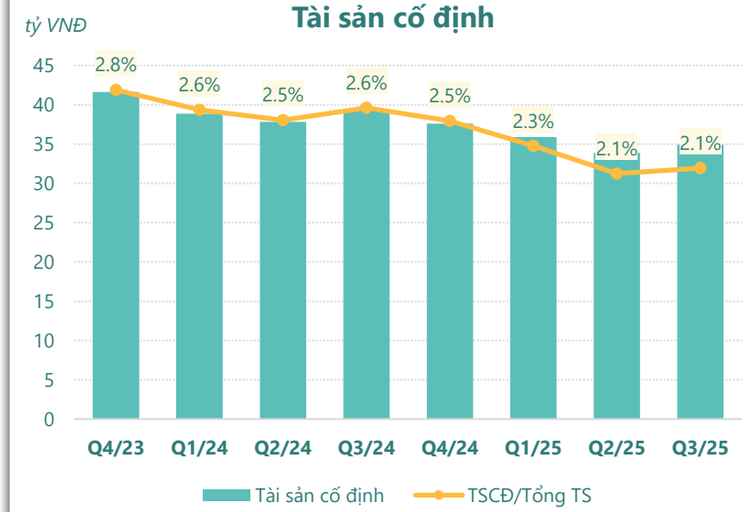
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



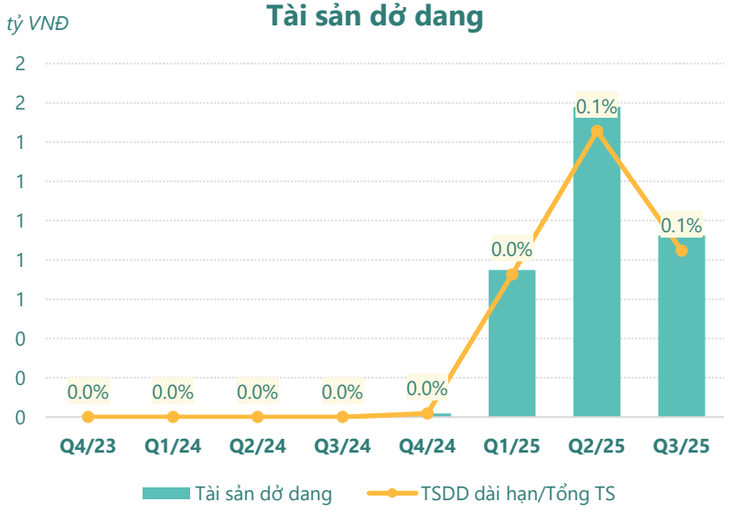
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



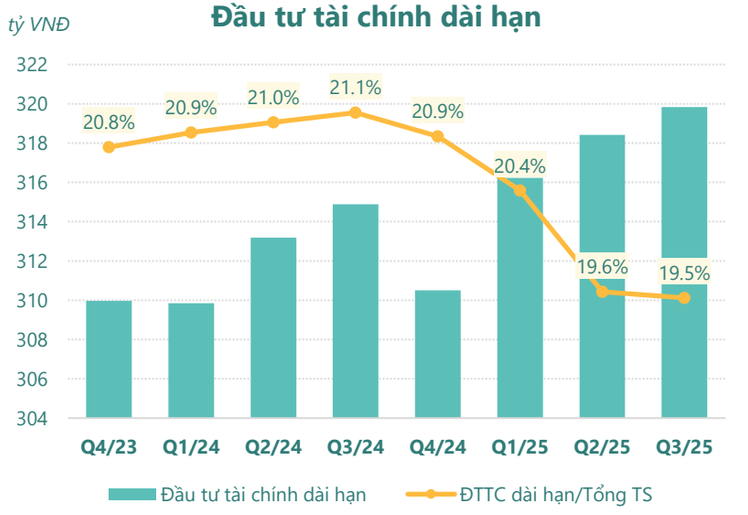
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



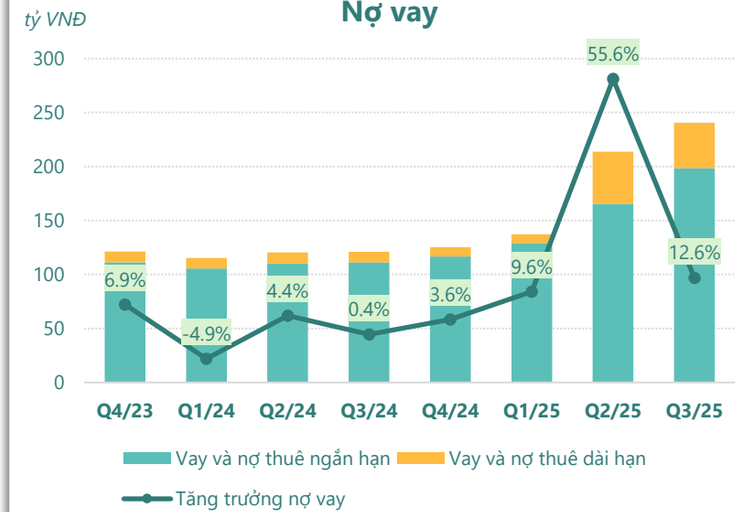
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

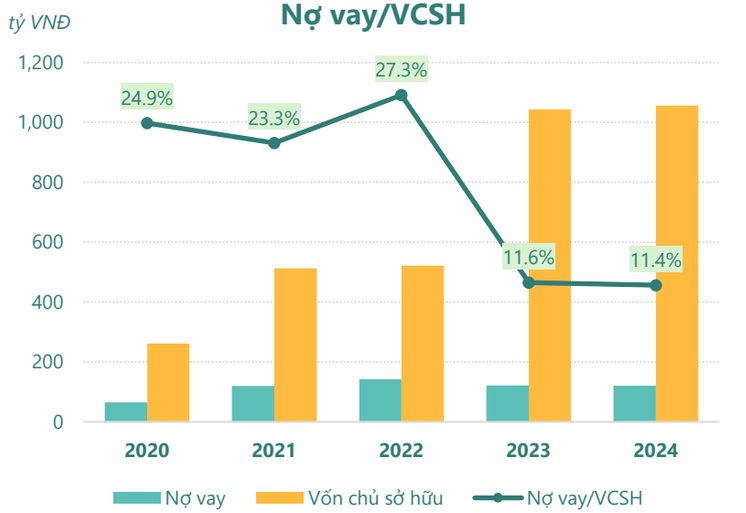
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

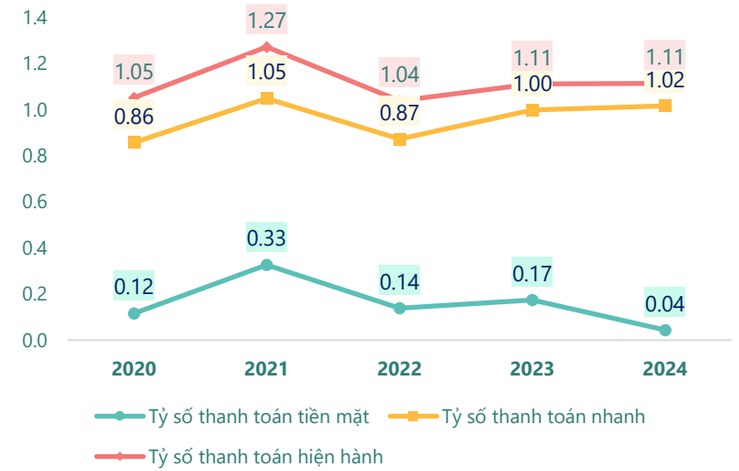
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



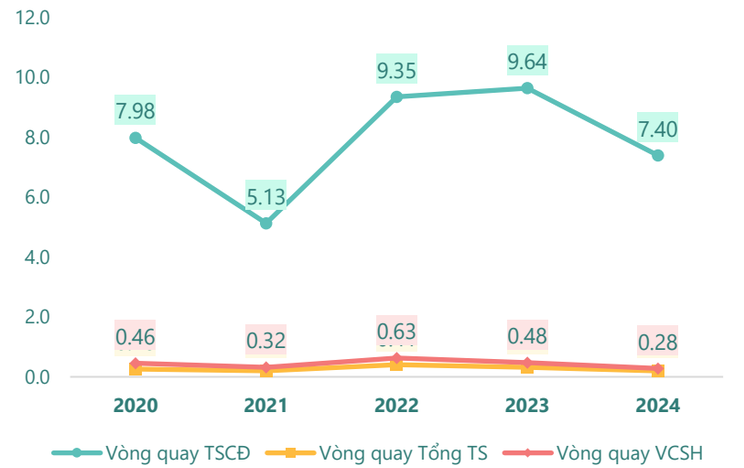
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



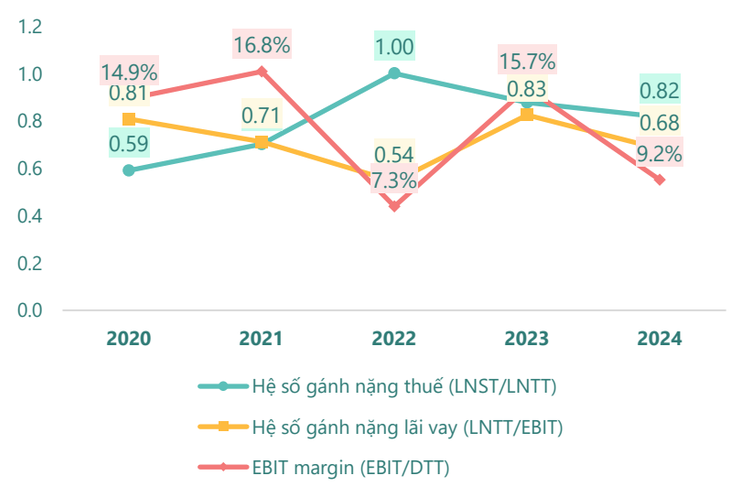
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



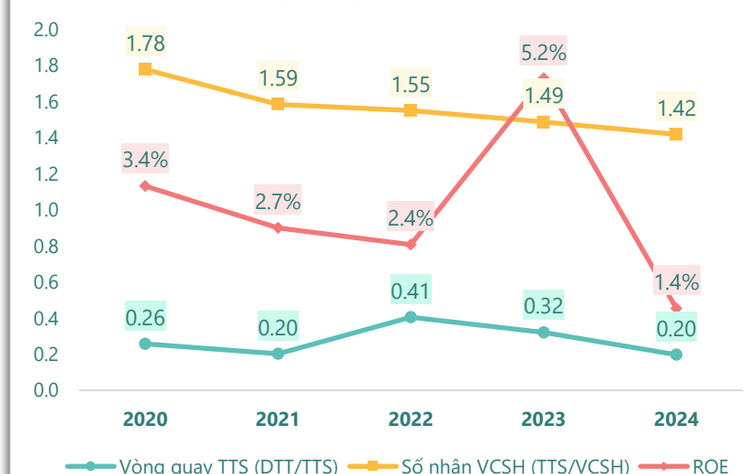
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



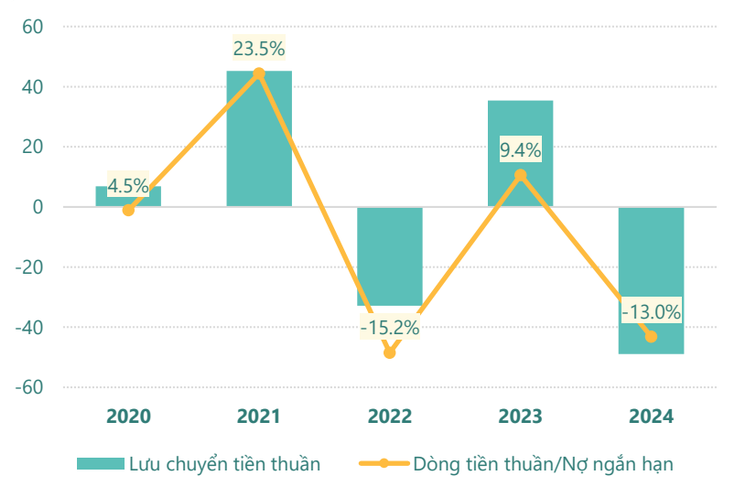
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**139**	**54.3**	**157%**	**340**	**185**	**83.6%**
Giá vốn hàng bán	127	46.8	171%	299	153	95.4%
Lợi nhuận gộp	12.5	7.47	67.2%	41.2	32.2	27.9%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.19	-97.5%	0.51	0.56	-9.1%
Chi phí TC	2.92	2.02	44.4%	8.20	6.37	28.7%
Chi phí lãi vay	2.92	2.02	44.4%	8.20	6.37	28.7%
LN trong công ty LKLD	**1.42**	**1.70**	**-16.6%**	**4.12**	**5.03**	**-18.2%**
Chi phí bán hàng	1.01	0.26	287%	1.93	0.80	141%
Chi phí QLDN	**5.18**	**4.21**	**22.9%**	**15.3**	**16.3**	**-6.4%**
LN thuần từ HĐKD	4.81	2.87	67.6%	20.4	14.3	42.8%
Lợi nhuận khác	**-0.02**	**-0.05**	**56.3%**	**-2.02**	**-0.11**	**-1770%**
LN trước thuế	4.79	2.81	70.4%	18.4	14.2	29.7%
Lợi nhuận sau thuế	**4.18**	**2.23**	**87.5%**	**16.6**	**11.6**	**43.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**4.56**	**2.07**	**120%**	**18.3**	**10.7**	**70.8%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	11.0	0.16	-9.41	-11.2	-72.7	-25.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-7.40	-9.81	18.4	-0.51	-20.8	19.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	5.11	0.47	-0.80	4.83	88.4	15.4
Tiền đầu kỳ	5.25	14.0	4.82	16.6	9.65	4.61
Lưu chuyển tiền thuần	**8.75**	**-9.18**	**8.14**	**-6.91**	**-5.04**	**9.32**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	14.0	4.82	13.0	9.65	4.61	13.9

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,638**	**1,490**	**10.0%**
Tài sản ngắn hạn	565	419	34.6%
Tiền và tương đương tiền	13.9	16.6	-15.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0.48	-100%
Phải thu ngắn hạn	489	363	34.6%
Hàng tồn kho	57.9	36.9	57.0%
Tài sản ngắn hạn khác	3.53	2.04	72.8%
Tài sản dài hạn	**1,074**	**1,070**	**0.3%**
Phải thu dài hạn	680	680	0.0%
Tài sản cố định	34.9	37.8	-7.6%
Bất động sản đầu tư	34.9	36.6	-4.6%
Tài sản dở dang	0.93	0.02	4847%
Đầu tư tài chính dài hạn	320	316	1.3%
Tài sản dài hạn khác	**3.14**	**0.24**	**1234%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	573	434	32.0%
Nợ ngắn hạn	**482**	**376**	**28.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	199	112	77.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	57.4	65.9	-12.8%
Nợ dài hạn	91.1	57.6	58.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	42.0	8.64	387%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,066**	**1,056**	**0.9%**
Vốn chủ sở hữu	**1,066**	**1,056**	**0.9%**
Vốn điều lệ	961	961	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)